TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày 28-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lâm và bà Vũ Thị Bền;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Vũ Văn L, sinh năm 1993; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Q, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định) và bà Vũ Thị H; chưa có vợ, con, bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phạm Thái H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Bùi Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Lê Văn M, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Quốc A, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu L, thị trấn T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Anh T1, anh Đ, anh H, anh T2, bà B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; những người khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn L không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng tháng 7 năm 2021, L nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao lấy tiền tiêu xài. Sau đó, L mua phần mềm quản lý cầm đồ "Mecash", đăng ký tên tài khoản "aca…", mật khẩu là "Ssss123…" bằng số điện thoại 079.324….. và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 mầu trắng vào mạng Internet đăng nhập tài khoản "aca…" trên website: http//admin.mecash.vn để quản lý người vay, mức lãi suất, kỳ hạn đóng lãi của người vay. Khi có khách vay tiền, L tìm hiểu, kiểm tra thông tin người vay, quy định mức lãi suất cho vay dao động từ 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. L nhập thông tin người vay trên phần mềm gồm: Tên người vay, địa chỉ, ngày vay, lãi suất vay, ngày đến hạn...để theo dõi, quản lý *(Thông thường L chỉ nhập tên không có họ, tên đệm và địa chỉ không cụ thể, L không yêu cầu người vay phải viết giấy vay tiền)*. Đến kỳ đóng lãi người vay sẽ đến gặp L đưa tiền trực tiếp cho L. Ngoài ra, L còn đăng ký thêm 01 tài khoản phụ tên "Thao9…", mật khẩu "Ssss1234…." bằng số sim 0919.341….. để theo dõi quản lý, nhập thông tin người vay. Dữ liệu người vay của tài khoản "Thao9…." và tài khoản "ac…" đều thể hiện như nhau. Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2021 đến năm 2022 L đã thực hiện việc cho 09 người vay với mức lãi suất cao tại xã M, huyện Tứ Kỳ như sau:

1. L cho anh Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1992, trú quán: Thôn P, xã M vay 13 lần, tổng số tiền 37.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm). Cụ thể các lần vay:

- Lần 1: Ngày 05/4/2022, L cho anh Đ vay 2.000.000 đồng, đến ngày 04/5/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 300.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 09/5/2022, L cho anh Đ vay 2.000.000 đồng, đến ngày 22/5/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 140.000 đồng của 14 ngày vay.

- Lần 3: Ngày 27/5/2022, L cho anh Đ vay 2.000.000 đồng, đến ngày 11/6/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 160.000 đồng của 16 ngày vay.

- Lần 4: Ngày 28/5/2022, L cho anh Đ vay 3.000.000 đồng, đến ngày 20/6/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 360.000 đồng của 24 ngày vay.

- Lần 5: Ngày 15/6/2022, L cho anh Đ vay 3.000.000 đồng, đến ngày 18/7/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 510.000 đồng của 34 ngày vay, L thu lời bất chính số tiền 454.110 đồng.

- Lần 6: Ngày 19/6/2022, L cho anh Đ vay 2.000.000 đồng, đến ngày 18/7/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 300.000 đồng của 30 ngày vay.

- Lần 7: Ngày 22/6/2022, L cho anh Đ vay 2.000.000 đồng, đến ngày 15/7/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 240.000 đồng của 24 ngày vay.

- Lần 8: Ngày 18/7/2022, L cho anh Đ vay 1.000.000 đồng, đến ngày 03/8/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 85.000 đồng của 17 ngày vay.

- Lần 9: Ngày 20/7/2022, L cho anh Đ vay 2.000.000 đồng, đến ngày 31/7/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 120.000 đồng của 12 ngày vay.

- Lần 10: Ngày 02/8/2022, L cho anh Đ vay 10.000.000 đồng, đến ngày 03/8/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 100.000 đồng của 2 ngày vay.

- Lần 11: Ngày 20/8/2022, L cho anh Đ vay 2.000.000 đồng, đến ngày 10/9/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 220.000 đồng của 22 ngày vay.

- Lần 12: Ngày 16/9/2022, L cho anh Đ vay 3.000.000 đồng, đến ngày 25/9/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 150.000 đồng của 10 ngày vay.

- Lần 13: Ngày 01/10/2022, L cho anh Đ vay 3.000.000 đồng, đến ngày 15/10/2022 anh Đ đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 225.000 đồng của 15 ngày vay.

Như vậy, anh Đ đã trả cho L đủ số tiền gốc là 37.000.000 đồng *(Ba mươi bảy triệu đồng)* và trả tổng số tiền lãi là 2.910.000 *(Hai triệu chín trăm mười nghìn đồng)*. L thu lời bất chính số tiền 2.591.096 đồng.

2. L cho anh Phạm Thái H, sinh năm 1991, trú quán: Thôn P, xã M vay số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* vào ngày 16/10/2022, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm). Anh H đã trả tiền lãi 750.000 đồng của 30 ngày vay. Ngày 17/11/2022, anh H đã trả số tiền gốc 5.000.000 đồng. L thu lời bất chính số tiền 667.808 đồng.

3. L cho anh Bùi Văn T, sinh năm 1998, HKTT: Thôn V, xã M vay 03 lần. Tổng tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất đều là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 146%/1 năm). Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 26/7/2022, L cho anh T vay 5.000.000 đồng, anh T đã trả tiền lãi 600.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 26/7/2022 đến ngày 24/8/2022. Anh T chưa trả tiền gốc, L dừng thu lãi từ ngày 25/8/2022.

- Lần 2: Ngày 01/8/2022, L cho anh T vay 10.000.000 đồng, anh T đã trả tiền lãi 1.200.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 01/8/2022 đến ngày 30/8/2022. Anh T chưa trả tiền gốc, L dừng thu lãi từ ngày 31/8/2022.

- Lần 3: Ngày 07/8/2022, L cho anh T vay 5.000.000 đồng, anh T đã trả tiền lãi 600.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 07/8/2022 đến ngày 05/9/2022. Anh T chưa trả tiền gốc, L dừng thu lãi từ ngày 06/9/2022.

Như vậy, anh T đã trả cho L tổng tiền lãi là 2.400.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)* và chưa trả tiền gốc. L thu lời bất chính số tiền 2.071.232 đồng.

4. L cho anh Lê Văn M, sinh năm 1998, trú quán: Thôn Q, xã M vay 02 lần. Tổng tiền vay là 10.000.000 đồng, lãi suất đều là 3.500 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 127,75%/1 năm. Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 04/11/2021, L cho anh M vay 5.000.000 đồng, anh M đã trả tiền lãi 1.050.000 đồng của 60 ngày vay, từ ngày 04/11/2021 đến ngày 02/01/2022. Anh M chưa trả tiền gốc, L dừng thu lãi từ ngày 03/01/2022.

- Lần 2: Ngày 15/3/2022, L cho anh M vay 5.000.000 đồng, anh M đã trả tiền lãi 1.050.000 đồng của 60 ngày vay, từ ngày 15/3/2022 đến ngày 13/5/2022. Anh M chưa trả tiền gốc, L dừng thu lãi từ ngày 14/5/2022.

Như vậy, anh M đã trả cho L tổng số tiền lãi là 2.100.000 đồng *(Hai triệu một trăm nghìn đồng)* và chưa trả tiền gốc. L thu lời bất chính số tiền 1.771.232 đồng.

5. L cho anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1994, trú quán: Thôn V, xã M vay 02 lần. Tổng tiền vay là 13.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm). Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 08/10/2021, L cho anh T1 vay 10.000.000 đồng, anh T1 đã trả tiền lãi 16.500.000 đồng của 11 tháng vay *(330 ngày)*, từ ngày 08/10/2021 đến ngày 02/9/2022. Anh T1 chưa trả tiền gốc. L đã dừng thu tiền lãi từ ngày 03/9/2022.

- Lần 2: Ngày 28/3/2022, L cho anh T1 vay 3.000.000 đồng, anh T1 đã trả tiền lãi 1.800.000 đồng của 120 ngày vay, từ ngày 28/3/2022 đến ngày 26/7/2022. Anh T1 chưa trả tiền gốc. L đã dừng thu tiền lãi từ ngày 27/7/2022.

Như vậy, anh T1 đã trả cho L tổng số tiền lãi là 18.300.000 đồng *(Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng)* và chưa trả tiền gốc. L thu lời bất chính số tiền 16.294.521 đồng.

6. L cho anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995, trú quán: Thôn P, xã M vay 04 lần. Tổng số tiền vay là 18.000.000 đồng lãi suất mỗi lần vay là 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm). Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 27/3/2022, L cho anh T2 vay 5.000.000 đồng, đến ngày 24/4/2022 anh T2 đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 750.000 đồng của 30 ngày vay.

- Lần 2: Ngày 05/7/2022, L cho anh T2 vay 5.000.000 đồng, đến ngày 04/8/2022 anh T2 đã trả tiền gốc và đã trả tiền lãi 750.000 đồng của 30 ngày vay.

- Lần 3: Ngày 27/8/2022, L cho anh T2 vay 5.000.000 đồng, đến ngày 27/9/2022 anh T2 đã trả tiền gốc và đã trả tiền lãi 750.000 đồng của 30 ngày vay.

- Lần 4: Ngày 22/9/2022, L cho anh T2 vay 3.000.000 đồng, anh T2 đã trả tiền lãi 450.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 22/9/2022 đến ngày 21/10/2022. Anh T2 chưa trả tiền gốc. L đã dừng thu tiền lãi từ ngày 22/10/2022.

Như vậy, anh T2 đã trả cho L số tiền gốc là 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* và còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc. Anh T2 đã trả tổng số tiền lãi là 2.700.000 đồng. L thu lời bất chính số tiền 2.404.109 đồng.

7. L cho anh Nguyễn Quốc A, sinh năm 2000, trú quán: Thôn P, xã M vay 17 lần. Tổng số tiền vay là 89.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm). Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 12/8/2022, L cho anh Quốc A vay 5.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 1.500.000 đồng của 60 ngày vay, từ ngày 12/8/2022 đến ngày 10/10/2022. Anh Quốc A chưa trả tiền gốc, L đã dừng thu tiền lãi từ ngày 11/10/2022.

- Lần 2: Ngày 11/9/2022, L cho anh Quốc A vay 5.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 750.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 11/9/2022 đến ngày 09/10/2022. Anh Quốc A chưa trả tiền gốc. L đã dừng thu tiền lãi từ ngày 10/10/2022.

- Lần 3: Ngày 20/9/2022, L cho anh Quốc A vay 5.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 750.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 20/9/2022 đến ngày 19/10/2022. Anh Quốc A chưa trả tiền gốc, L đã dừng thu tiền lãi từ ngày 20/10/2022.

- Lần 4: Ngày 24/9/2022, L cho anh Quốc A vay 5.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 750.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 24/9/2022 đến ngày 23/10/2022. Anh Quốc A chưa trả tiền gốc, L đã dừng thu tiền lãi từ ngày 24/10/2022.

- Lần 5: Ngày 29/9/2022, L cho anh Quốc A vay 5.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 750.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 29/9/2022 đến ngày 28/10/2022. Anh Quốc A chưa trả tiền gốc, L đã dừng thu tiền lãi từ ngày 29/10/2022.

- Lần 6: Ngày 15/5/2022, L cho anh Quốc A vay 5.000.000 đồng, đến ngày 13/6/2022 anh Quốc A đã trả tiền gốc và trả tiền lãi 750.000 đồng của 30 ngày vay.

- Lần 7: Ngày 17/5/2022, L cho anh Quốc A vay 10.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 1.500.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 17/5/2022 đến ngày 14/6/2022 và đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Lần 8: Ngày 27/5/2022, L cho anh Quốc A vay 8.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 465.000 đồng của 12 ngày vay, từ ngày 27/5/2022 đến ngày 07/6/2022 và đã trả tiền gốc 8.000.000 đồng.

- Lần 9: Ngày 16/5/2022, L cho anh Quốc A vay 3.000.000 đồng, ngày 17/5/2022 anh Quốc A đã trả tiền gốc và đã trả tiền lãi 15.000 đồng của 01 ngày vay.

- Lần 10: Ngày 31/5/2022, L cho anh Quốc A vay 5.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 1.500.000 đồng của 60 ngày vay, từ ngày 31/5/2022 đến ngày 29/7/2022 và đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Lần 11: Ngày 07/6/2022, L cho anh Quốc A vay 5.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 1.500.000 đồng của 60 ngày vay, từ ngày 07/6/2022 đến ngày 5/8/2022 và đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Lần 12: Ngày 15/6/2022, L cho anh Quốc A vay 5.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 1.500.000 đồng của 60 ngày vay, từ ngày 15/6/2022 đến ngày 13/8/2022 và đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Lần 13: Ngày 28/6/2022, L cho anh Quốc A vay 3.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 450.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 28/6/2022 đến ngày 27/7/2022 và đã trả tiền gốc 3.000.000 đồng.

- Lần 14: Ngày 29/6/2022, L cho anh Quốc A vay 2.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 300.000 đồng của 30 ngày vay, từ ngày 29/6/2022 đến ngày 28/7/2022 và đã trả tiền gốc 2.000.000 đồng.

- Lần 15: Ngày 05/8/2022, L cho anh Quốc A vay 5.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 875.000 đồng của 35 ngày vay, từ ngày 05/8/2022 đến ngày 08/9/2022 và đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Lần 16: Ngày 08/8/2022, L cho anh Quốc A vay 10.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 1.550.000 đồng của 31 ngày vay, từ ngày 08/8/2022 đến ngày 07/9/2022 và đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Lần 17: Ngày 18/8/2022, L cho anh Quốc A vay 3.000.000 đồng, anh Quốc A đã trả tiền lãi 315.000 đồng của 21 ngày vay, từ ngày 18/8/2022 đến ngày 07/9/2022 và đã trả tiền gốc 3.000.000 đồng.

Như vậy, anh Quốc A đã trả cho L số tiền gốc là 64.000.000 đồng và còn nợ 25.000.000 đồng tiền gốc. Anh Quốc A đã trả tổng số tiền lãi 15.220.000 đồng. L đã thu lời bất chính số tiền 13.550.407 đồng.

8. L cho anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1999, trú quán: Thôn M, xã M vay 02 lần. Tổng số tiền vay là 8.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/1 năm). Cụ thể các lần vay là:

- Ngày 27/11/2021, L cho anh Nguyễn Văn L1 vay 3.000.000 đồng, anh L1 đã trả tiền lãi 1.350.000 đồng của 90 ngày vay, từ ngày 27/11/2021 đến ngày 24/2/2022.

- Ngày 27/02/2022, L tiếp tục cho anh Nguyễn Văn L1 vay số tiền 2.000.000 đồng và gộp với số tiền 3.000.000 đồng vay trước đó thành 5.000.000 đồng. Anh L1 đã trả tiền lãi 4.155.000 đồng của 166 ngày vay, từ ngày 27/02/2022 đến ngày 10/8/2022 và đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng.

Như vậy, anh Nguyễn Văn L1 đã trả cho L số tiền gốc là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* và đã trả tổng số tiền lãi là 5.505.000 đồng. L thu lời bất chính số tiền 4.902.260 đồng.

9. L cho bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960, trú quán: Khu L, thị trấn T, huyện Tứ Kỳ vay 10.000.000 đồng vào ngày 01/11/2021, lãi suất 2.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 73%/1 năm). Bà B đã trả cho L tiền lãi 4.800.000 đồng của 240 ngày vay, từ ngày 01/11/2021 đến ngày 28/6/2022, và đã trả số tiền gốc 3.000.000 đồng, còn nợ 7.000.000 đồng. L đã dừng thu tiền lãi đối với số tiền bà B vay chưa trả.

Công văn số 1285 ngày 31/10/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Hải Dương xác định mức lãi suất như sau:

- Lãi suất cho vay 2.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 73%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 2.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 91,25%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 3.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 109,5%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 3.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 127,75%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 146%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 5.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 182,5%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 5.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 200,75%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 6.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 219%/1 năm;

Kết quả điều tra xác định Vũ Văn L trực tiếp cho 09 người nêu trên vay tổng số tiền 210.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 54.685.000 đồng. Trong đó, L cho 08 người gồm các anh Nguyễn Việt Đ, Phạm Thái H, Bùi Văn T, Lê Văn M, Nguyễn Tiến T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Quốc A và Nguyễn Văn L1 vay tổng số tiền cho vay là 200.000.000 đồng với lãi suất trên 100%/1 năm *(Từ 127,75%/1 năm đến 182,5%/1 năm)*, tổng số tiền lãi đã thu là 49.885.000 đồng, trong đó: số tiền lãi L thu theo lãi suất 20%/năm (theo quy định tại diểm đ, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT- NHNN ngày 29/9/2017 của Thống đốc NHNN Việt Nam) là 5.634.299 đồng. Tổng số tiền L thu lời bất chính trong việc cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ luật dân sự là 44.252.665 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSTK, ngày 28/03/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố bị cáo Vũ Văn L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", xử phạt bị cáo Vũ Văn L từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; truy thu số tiền gốc mà L đã cho vay do người vay đã trả và số tiền các anh T, M, T1, T2, Quốc A vay nợ gốc chưa trả nộp vào ngân sách nhà nước; tịch thu với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm nộp ngân sách Nhà nước; Trả

lại người vay khoản lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm; bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự.

Bị cáo Vũ Văn L đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ đã truy tố, bị cáo hối hận về hành vi của mình, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản vụ việc và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2022, tại nơi cư trú của mình ở Thôn Q, xã M, huyện Tứ Kỳ, Vũ Văn L trực tiếp cho anh Nguyễn Việt Đ, Phạm Thái H, Bùi Văn T, Lê Văn M, Nguyễn Tiến T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Quốc A, Nguyễn Văn L1 vay với tổng số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ luật dân sự. Tổng số tiền L thu lời bất chính là 44.252.665 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi cho vay trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật, song với mục đích kiếm lời trái pháp luật, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Mặc dù bị cáo cho nhiều người vay, tuy nhiên các hành vi cho vay lãi nặng đối với anh Đ, anh H, anh T, anh M, anh T1, anh T2, anh Quốc, anh Nguyễn Văn L1 đều thu lợi bất chính dưới 30 triệu đồng với tổng số tiền mà bị cáo thu lời bất chính là 44.252.665 đồng nên hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS, như quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, qua đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều kiện nhân thân của bị cáo, thấy rằng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội vì mục đích tư lợi nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong tổng số tiền gốc 200.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho vay là phương tiện phạm tội. Trong đó anh Nguyễn Việt Đ, anh Phạm Thái H, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Quốc A, anh Nguyễn Văn L1 đã trả bị cáo số tiền nợ gốc tổng là 129.000.000 đồng nên cần truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 20.000.000 đồng anh Bùi Văn T vay, 10.000.000 mà anh Lê Văn M vay, 13.000.000 mà anh Nguyễn Tiến T1 vay, 3.000.000 đồng anh Nguyễn Văn T2 vay, 25.000.000 mà anh Nguyễn Quốc A vay đều là tiền vay gốc chưa trả được cho bị cáo nên cần truy thu của anh T, anh M, anh T1, anh T2, anh Quốc A để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 5.634.229 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, đây là khoản tiền do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; Đối với số tiền 44.252.665 đồng là khoản tiền lãi suất trên 20% bị cáo thu lợi bất chính nên được trả lại cho những người vay; Đối với chiếc điện thoại Iphone 12, vỏ mầu trắng loại 64 GB đã bị rơi các cạnh bị mẻ, đây là chiếc điện thoại bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

[8] Trong vụ án này, bị cáo có cho bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960, trú quán: Khu L, thị trấn T, huyện Tứ Kỳ vay 10.000.000 đồng vào ngày 01/11/2021, lãi suất 2.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 73%/1 năm). Bà B đã trả cho L tiền lãi 4.800.000 đồng của 240 ngày vay, từ ngày 01/11/2021 đến ngày 28/6/2022, và đã trả số tiền gốc 3.000.000 đồng, còn nợ 7.000.000 đồng. L đã dừng thu tiền lãi đối với số tiền bà B vay chưa trả. Lần vay này mức lãi suất không vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định của Bộ luật dân sự nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm.

[9] Ngoài hành vi nêu trên, Vũ Văn L còn cho 229 lượt vay tín chấp lãi suất trên 100%/1 năm với tổng tiền cho vay là 1.286.440.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 420.625.000 đồng, tổng số tiền thu lời bất chính là 372.001.993 đồng. Có một số người bị cáo nhớ được việc cho vay như anh Nguyễn Xuân L3, sinh năm 1991, Nguyễn Văn T3, sinh năm 1999 ở Thôn P, xã M; anh Nguyễn Xuân H3, sinh năm 1998 ở Thôn V, xã M; anh Hoàng Quốc V3, sinh năm 1996 ở Thôn V, xã M, các trường hợp khác bị cáo không nhớ rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của những người vay, Cơ quan điều tra, xác minh trên địa bàn nơi người vay sinh sống nhưng một số

trường hợp không có nhà, nhiều trường hợp không xác định được là ai, ở đâu. Ngoài lời khai của bị cáo, không có tài liệu gì khác để chứng minh, Cơ quan CSĐT đã tiến hành các biện pháp điều tra, thông báo trên phương tiện truyền thanh nhưng không xác định được L cho vay những khoản trên nên không có đủ căn cứ để xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 35 của BLHS;

1. Tuyên bố: bị cáo Vũ Văn L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Vũ Văn L **60.000.000 đồng** (*Sáu mươi triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước 129.000.000 đồng của bị cáo Vũ Văn L là tiền vay gốc và 5.634.229 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm.

+ Truy thu của anh Bùi Văn T số tiền 20.000.000 đồng; anh Lê Văn M số tiền 10.000.000 đồng; anh Nguyễn Tiến T1 số tiền 13.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T2 số tiền 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Quốc A số tiền 25.000.000 đồng là khoản tiền vay gốc của bị cáo L sung quỹ Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Vũ Văn L phải trả lại cho anh Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương 2.591.096 đồng; anh Phạm Thái H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương 667.808 đồng; anh Bùi Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương 2.071.232 đồng; anh Lê Văn M, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương 1.771.232 đồng; anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương 16.294.521 đồng; anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương 2.404.109 đồng; anh Nguyễn Quốc A, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương 13.550.407 đồng; anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương 4.902.260 đồng là khoản tiền lãi trên mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo thu lợi bất chính từ người vay.

+ Tịch thu phát mại nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12, vỏ mầu trắng, loại 64 GB đã bị rơi các cạnh bị mẻ của bị cáo Vũ Văn L.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/03/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Vũ Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể nhận được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKS, CA, THADS huyện Tứ Kỳ;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện Tứ Kỳ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Lưu hồ sơ; Lưu vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân